

Số: 02../BC-TT,KT&ĐBCLGD

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO
KẾT QUẢ TRIỂN KHAI LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI ĐÁNH GIÁ
KHÓA HỌC CỦA SINH VIÊN TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP
NĂM HỌC 2013-2014

Thực hiện kế hoạch năm học của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Phòng Thanh tra Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục đã triển khai lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2013-2014. Kết quả đạt được như sau:

1. Mục đích khảo sát

- Việc lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp giúp cho nhà trường thực hiện tốt sứ mạng và mục tiêu của trường;
- Giúp lãnh đạo nhà Trường và các Khoa/Bộ môn có những thông tin chính xác cần thiết về các chương trình đào tạo, để có những quyết định đúng khi phải giải quyết những vấn đề liên quan đến những chương trình đào tạo;
- Nhằm cung cấp cho Nhà trường, các Khoa/Bộ môn những góp ý để tiếp tục phát triển Chương trình đào tạo;
- Đảm bảo lợi ích cho người học, tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng, được thể hiện ý kiến của mình về chất lượng chương trình đào tạo của nhà trường, chất lượng giảng dạy của giảng viên, về cơ sở vật chất và thái độ phục vụ của cán bộ phòng ban/trung tâm.

2. Đối tượng và phạm vi khảo sát

- Đối tượng khảo sát: Sinh viên.
- Phạm vi lấy ý kiến khảo sát: Tất cả sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp.

3. Tổ chức thực hiện

- Thời gian thực hiện: Trong học kỳ 2 năm học 2013 – 2014 từ ngày 10/5/2014 đến ngày 30/5/2014 (trước khi sinh viên tốt nghiệp).

- Công cụ khảo sát: Theo mẫu phiếu khảo sát (phụ lục 1)

- Nội dung lấy ý kiến khảo sát:

- + Về chương trình đào tạo;
- + Về đội ngũ giảng viên;
- + Về tổ chức và quản lý phục vụ đào tạo;
- + Về kiểm tra đánh giá;
- + Về cơ sở vật chất;
- + Đánh giá chung về khóa học;
- + Các ý kiến khác.

4. Kết quả thực hiện

Trong năm học vừa qua, nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi đánh giá khóa học của sinh viên trước khi tốt nghiệp. Do chương trình thực hiện lấy ý kiến là khảo sát trực tiếp bằng giấy, nên toàn bộ phiếu khảo sát thu về đều phục vụ cho việc đánh giá và không có phiếu nào bị lỗi hoặc sửa chữa.

Sau khi triển khai thực hiện, kết quả thu được như sau:

TT	Khoa/Bộ môn	Số SV trước khi tốt nghiệp	Số SV tham gia khảo sát	Tỷ lệ %
1	Công nghệ thông tin	304	279	91,8
2	Công nghệ Điện tử và TT	228	209	91,7
3	Hệ thống thông tin Kinh tế	179	165	92,2
4	Công nghệ Tự động hóa	53	50	94,3
Tổng cộng		764	703	92

Tổng số sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2013-2014 là: 764 SV

Tỷ lệ sinh viên tham gia đánh giá trên tổng số SV trước khi tốt nghiệp là: 92%.

* **Thống kê kết quả đánh giá** (Phụ lục 2).

5. Đánh giá chung và kiến nghị, đề xuất

a) **Đánh giá chung**

- Về phía sinh viên: 92% sinh viên trước khi tốt nghiệp đã tham gia đánh giá phản hồi khóa học. Tuy nhiên vẫn còn một số sinh viên ý thức tự giác chưa cao và còn theo chiều hướng chống đối.

- Ý kiến về phía chương trình đào tạo: Hầu hết các Chương trình đào tạo đều được sinh viên đánh giá cao với mức điểm từ 2,7 trở lên, đáp ứng được mục tiêu đào tạo và phù hợp với nhu cầu xã hội. Nội dung và chương trình đào tạo có sự kết hợp chặt chẽ giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành. Riêng 2 chuyên ngành Kỹ thuật máy tính và Khoa học máy tính được sinh viên đánh giá rất cao với mức điểm từ 3,4 điểm trở lên (trương đương chương trình đào tạo đạt mức tốt).

+ Về đội ngũ giảng viên: Hầu hết các GV được đánh giá là có trình độ chuyên môn tốt, có phương pháp giảng dạy khoa học, thực hiện tốt đổi mới phương pháp giảng dạy học theo hướng khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm. Các giảng viên rất nhiệt tình giúp đỡ sinh viên, sẵn sàng chia sẻ kiến thức cũng như kinh nghiệm chuyên môn đối với sinh viên. Bên cạnh đó vẫn còn 1 số rất ít cán bộ GV được đánh giá chưa tốt như có GV trình độ chuyên môn tốt nhưng kỹ năng sư phạm còn hạn chế.

+ Về tổ chức và quản lý phục vụ đào tạo: Sinh viên được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo. Các cán bộ nhân viên tại các phòng/ trung tâm có thái độ hòa nhã, nhiệt tình, phục vụ và giải đáp các thắc mắc của sinh viên thỏa đáng, nhanh chóng. Tuy nhiên vẫn có một số ít sinh viên đánh giá mức điểm thấp cho công tác này.

Trên 85% người học hài lòng về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên trong các giờ thực hành và kiểm tra đánh giá trên máy tính.

+ Về kiểm tra đánh giá: Tất cả các chương trình đào tạo được sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên chiếm trên 95% so với tổng số sinh viên. Các kỳ thi được tổ chức nghiêm túc, khách quan. Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng môn học. Kết quả học tập được thông báo kịp thời tới sinh viên dưới nhiều hình thức.

+ Về Cơ sở vật chất: Cơ sở vật chất của nhà trường được tất cả các sinh viên đánh giá từ mức khá trở lên. Cơ sở vật chất của nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu học tập và vui chơi giải trí của sinh viên, có đủ trang thiết bị cho sinh viên thực hành nghiên cứu khoa học.

+ Các kết quả khiếu nại về kiểm tra đánh giá được giải quyết thỏa đáng, nhanh chóng và kịp thời.

+ Về công tác tài chính: Công tác này cũng được sinh viên của các chuyên ngành đánh giá cao có mức điểm đánh giá từ 2,6 đến 3,8 điểm.

Hầu hết các sinh viên thuộc các chương trình đào tạo của các Khoa được khảo sát đều cho ý kiến phản hồi là hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường.

b) Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị các Khoa chuyên môn thông báo rộng rãi tới toàn thể sinh viên nắm được mục đích của việc khảo sát này.

Tiếp tục duy trì công tác này và triển khai lấy ý kiến phản hồi rộng rãi tới tất cả các sinh viên trước khi tốt nghiệp.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: TTKT&ĐBCLGD.

TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Hữu Thái

Ghi chú:

- Phụ lục 1: Mẫu phiếu đánh giá;
- Phụ lục 2: Tổng hợp ý kiến phản hồi của sinh viên trước khi tốt nghiệp năm học 2013 - 2014

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ
THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
PHÒNG TT,KT&ĐBCLGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM KHẢO SÁT SINH VIÊN TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP NĂM HỌC 2013 - 2014

Câu hỏi Tên lớp	Chương trình đào tạo							Đội ngũ giảng viên				Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo										Kiểm tra đánh giá					Cơ sở vật chất						Công tác tài chính		Đánh giá chung về khóa học		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	
CNPM K8A	2.8	2.5	2.9	2.5	2.9	2.7	3.0	3.0	3.2	2.9	2.8	2.7	3.0	2.5	2.9	3.2	3.0	2.9	3.0	2.8	3.0	3.0	3.0	3.2	3.0	2.8	3.0	2.8	3.2	3.1	3.1	2.8	2.5	2.9	2.6	2.6	
CNPM K8B	2.8	3.1	2.8	3.1	2.9	3.8	3.0	2.9	3.0	3.1	3.0	2.8	2.8	2.9	2.8	2.9	2.8	2.9	3.0	3.0	3.0	2.9	3.0	2.9	3.1	2.7	3.0	3.0	3.1	3.1	2.9	2.8	2.9	2.9	2.8	2.9	
MMT&TT K8A	2.4	2.7	2.8	2.7	2.8	2.8	2.8	2.6	2.7	2.8	3.0	2.7	2.9	2.9	2.8	2.8	2.8	2.9	2.8	2.8	2.9	2.7	2.8	2.8	2.9	2.6	2.9	3.0	2.9	2.8	2.9	2.8	2.7	2.7	2.9	2.8	
MMT&TT K8B	3.1	3.1	3.1	3.0	3.1	3.1	3.1	3.4	3.2	3.2	3.5	3.5	3.2	3.3	3.2	3.3	2.9	3.2	3.3	3.2	3.4	3.2	3.3	3.2	3.3	3.2	3.4	3.1	3.3	3.4	3.0	3.0	2.9	3.1	3.1	3.1	
MMT&TT K8C	2.6	2.6	3.0	2.5	2.7	2.8	2.4	2.9	2.8	2.8	2.9	2.9	2.6	2.6	2.7	2.6	2.4	2.7	2.8	2.9	2.5	2.4	2.7	2.9	2.9	2.7	2.8	2.8	2.6	2.9	2.8	2.8	2.7	2.7	2.7	2.8	
HTTT K8A	2.9	2.9	3.0	2.9	3.0	2.8	3.2	3.0	3.1	3.0	3.1	3.1	3.0	3.1	3.0	2.9	3.0	3.1	3.0	3.0	3.2	3.1	3.0	2.9	3.1	2.7	3.1	2.9	3.2	3.1	3.1	2.9	2.9	3.0	3.1	3.1	
HTTT K8B	2.5	2.8	2.8	2.8	2.8	2.7	2.9	2.7	2.8	2.7	2.8	2.8	2.9	2.9	2.9	2.8	2.8	2.9	2.8	2.8	2.9	2.6	2.7	2.9	2.9	2.7	2.9	3.0	3.0	2.8	2.9	2.8	2.7	2.7	2.9	2.7	
KTMT K8A	3.8	3.8	3.6	3.4	3.6	3.6	3.8	3.4	3.8	3.4	3.8	3.6	3.6	3.8	3.8	3.4	3.6	3.4	3.6	3.6	3.8	3.6	3.8	3.6	3.8	3.6	3.8	3.6	3.8	3.2	3.4	3.2	2.6	2.8	3.4	3.8	3.6
KHMT K8A	3.8	3.4	3.4	3.7	3.8	3.4	3.7	3.9	3.7	3.9	3.8	3.7	3.4	3.4	3.8	3.6	3.6	3.8	3.4	3.9	4.0	3.7	3.6	3.8	3.7	3.6	3.9	3.9	3.6	3.7	3.6	3.6	3.8	3.9	3.8	3.9	3.8
CNĐT K8A	3.4	3.3	3.3	3.5	3.5	3.6	3.4	3.4	3.4	3.5	3.6	3.6	3.5	3.5	3.5	3.6	3.3	3.4	3.4	3.5	3.6	3.6	3.6	3.7	3.7	3.4	3.4	3.4	3.7	3.6	3.6	3.6	3.5	3.5	3.5	3.5	3.5
CNĐT K8B	2.6	2.5	2.7	2.5	2.6	2.5	2.6	2.9	2.8	2.7	2.8	2.8	2.6	2.5	2.5	2.8	2.7	2.9	2.9	2.8	2.7	2.8	2.6	2.7	2.7	2.6	2.8	2.5	2.8	2.7	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.5	2.4
CNVN K8A	2.4	3.0	2.9	2.5	3.0	3.0	3.0	3.0	2.9	2.7	3.2	2.9	2.8	3.4	2.9	3.0	3.0	3.1	3.0	3.0	3.1	3.1	2.8	3.0	3.0	2.9	2.6	2.9	3.0	2.7	3.0	2.7	2.9	2.7	2.9	2.9	3.2
CNVN K8B	3.0	2.9	2.8	2.7	2.9	2.9	2.8	3.0	3.0	2.9	3.3	3.0	2.8	2.8	2.8	3.1	2.8	2.9	3.1	3.1	3.2	3.0	3.0	3.1	3.1	3.0	3.1	2.9	3.1	3.1	3.0	2.7	2.7	3.0	2.8	2.9	

Phụ lục 2

Câu hỏi Tên lớp	Chương trình đào tạo							Đội ngũ giảng viên				Tổ chức quản lý phục vụ đào tạo										Kiểm tra đánh giá					Cơ sở vật chất						Công tác tài chính		Đánh giá chung về khóa học				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36			
CNVT K8C	2.6	2.9	2.7	2.9	2.7	2.7	2.7	2.6	2.6	2.8	2.7	2.6	2.7	2.7	2.9	2.4	2.7	2.7	2.7	2.9	2.9	2.7	2.7	2.7	2.8	2.6	2.9	2.8	3.0	3.0	2.7	2.7	2.7	2.7	2.7	2.7	2.7	2.7	2.7
CNVT K8D	2.8	2.8	2.8	2.8	2.6	3.0	2.9	2.8	3.1	3.2	3.3	3.1	3.1	3.0	3.0	3.0	3.0	2.9	3.0	3.1	3.2	3.0	2.8	3.0	3.1	3.0	3.1	2.9	3.2	3.3	3.1	2.5	2.6	2.9	2.8	2.9			
ĐKTĐ K8A	2.8	3.0	2.8	3.0	2.9	3.0	2.8	2.8	2.9	3.1	2.9	2.7	2.7	2.8	2.7	2.8	2.8	2.8	2.9	3.0	3.0	2.8	2.8	2.8	3.0	2.8	3.0	2.9	3.1	3.1	2.7	2.7	2.9	3.0	2.7	2.9			
TH KE TOAN K9A	3.0	2.8	2.3	2.8	3.1	3.0	2.7	3.4	3.1	2.9	3.3	3.1	3.2	3.0	2.8	2.9	2.8	3.1	2.8	2.9	3.2	3.0	2.9	2.7	3.1	2.8	2.9	2.9	3.0	3.1	3.0	3.0	3.0	3.0	3.1	2.7	3.0		
TH KE TOAN K9B	2.5	2.8	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	2.7	2.8	2.8	2.9	2.7	2.9	2.9	2.9	2.8	2.8	2.9	2.8	2.9	2.9	2.7	2.8	2.9	3.0	2.7	3.0	3.0	3.0	2.9	2.9	2.8	2.7	2.7	2.9	2.8			
TH KT K9A	3.0	3.0	3.1	3.0	3.0	3.0	3.2	3.3	3.3	3.0	3.1	3.2	3.1	3.3	3.3	3.1	3.2	3.2	3.2	3.2	3.1	3.0	3.1	3.1	3.2	3.1	3.1	3.0	3.0	3.2	3.0	3.0	3.1	3.0	3.1	3.1			
TH KT K9B	2.1	2.7	2.8	2.5	2.7	2.9	2.8	2.6	2.7	2.8	2.8	2.8	2.7	3.0	2.7	2.7	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	2.9	2.7	2.9	2.9	2.8	2.8	2.9	3.0	2.7	2.8	2.7	2.7	2.6	2.9	3.0		
TH KT K9C	3.0	2.9	3.0	3.1	3.3	3.0	2.9	3.4	3.3	3.2	3.3	3.2	3.2	3.0	3.0	2.9	3.2	3.0	2.9	3.3	3.1	3.0	3.0	3.2	3.1	3.1	3.2	3.2	3.3	3.3	3.1	3.2	3.2	3.0	3.1	3.2	3.0	3.1	

TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Nguyễn Hữu Thái

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 6 năm 2014

Người tổng hợp



Phạm Văn Ngọc

IT 6-9.62



TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI
CỦA SINH VIÊN TRƯỚC KHI TỐT NGHIỆP**

Thân gửi các em sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp của Trường!

Với mục tiêu đào tạo sinh viên (SV) tốt nghiệp ra trường có đủ kiến thức, kỹ năng và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của thị trường lao động. Trường Đại học CNTT&TT triển khai tổ chức lấy ý kiến phản hồi của SV về chương trình đào tạo, chất lượng của hoạt động quản lý, phục vụ và hỗ trợ đào tạo,.... Đề nghị sinh viên cung cấp thông tin theo các nội dung dưới đây bằng cách đánh dấu (✓) vào các ô lựa chọn, điền thông tin vào các khoảng trống.

Chân thành cảm ơn!

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Khóa: 2. Lớp:
3. Hệ đào tạo: 4. Ngành/Chuyên ngành:
5. Tốt nghiệp năm.....

B. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

Mức độ đánh giá chọn theo thang điểm từ 1 đến 4 như sau:

1 = Kém; 2 = Trung bình; 3 = Khá; 4 = Tốt.

TT	Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá			
		1	2	3	4
I. Chương trình đào tạo					
1	Mức độ phù hợp của nội dung chương trình đào tạo với các mục tiêu đào tạo				
2	Mục tiêu của chương trình đào tạo đáp ứng được nhu cầu của người học và phù hợp với nhu cầu xã hội				
3	Tỷ lệ phân bổ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành trong các môn học và có sự tích hợp được các kiến thức và kỹ năng theo chuẩn đầu ra				
4	Chương trình đào tạo được thiết kế có sự mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong quá trình học tập				
5	Mức độ gắn kết giữa các khối kiến thức (cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành) và kiến thức thực tế trong nội dung chương trình đào tạo				
6	Chuẩn đầu ra của ngành đào tạo nêu rõ về kiến thức, kỹ năng và thái độ người học cần đạt được				



7	Chương trình đào tạo chuyển đổi từ niên chế sang tín chỉ đã tạo điều kiện thuận lợi cho người học học tập được linh hoạt và chủ động				
II. Đội ngũ giảng viên		1	2	3	4
8	Trình độ chuyên môn của giảng viên đáp ứng yêu cầu đào tạo				
9	Phương pháp giảng dạy của giảng viên, việc sử dụng phương pháp giảng dạy lấy người học làm trung tâm, khuyến khích người học phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc nhóm				
10	Việc hỗ trợ sinh viên tự học, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm chuyên môn với sinh viên của giảng viên				
11	Việc thực hiện giờ lên lớp, kế hoạch giảng dạy và sử dụng các thiết bị hỗ trợ dạy học của giảng viên				
III. Tổ chức và quản lý phục vụ đào tạo		1	2	3	4
12	Cung cấp đầy đủ thông tin về quy chế đào tạo, chương trình đào tạo, quy chế học sinh sinh viên và phương pháp kiểm tra đánh giá từ đầu khóa tới sinh viên				
13	Đánh giá việc triển khai thực tập gắn liền với thực tiễn tại các cơ quan, doanh nghiệp ngoài trường				
14	Đánh giá thái độ phục vụ sinh viên của cán bộ, nhân viên các phòng/trung tâm				
15	Đánh giá việc giải quyết các thắc mắc kiến nghị của sinh viên về các hoạt động đào tạo (kiểm tra đánh giá, chế độ chính sách...) của nhà trường được giải quyết thoả đáng				
16	Các chế độ chính sách xã hội, học bổng khuyến khích học tập của nhà trường được triển khai tới sinh viên theo đúng quy định				
17	Các chế độ chăm sóc sức khỏe, y tế học đường và cải thiện sức khỏe của nhà trường đối với sinh viên				
18	Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên được thực hiện đầy đủ và có hiệu quả				
19	Hoạt động của các tổ chức Đảng/Đoàn/Hội có hiệu quả, tác dụng tốt trong học tập và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống của sinh viên				
20	Các thông tin về hoạt động đào tạo đa dạng, phong phú và cập nhật thường xuyên trên website nhà trường				
21	Hàng năm, nhà trường tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường/ các tổ chức Đoàn/Hội sinh viên.				
IV. Kiểm tra đánh giá		1	2	3	4
22	Mức độ đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá môn học				
23	Tổ chức thi, kiểm tra đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, công bằng và phù hợp				
24	Các hình thức thi, kiểm tra đánh giá phù hợp với nội dung của từng môn học và được thông báo cho sinh viên trước khi bắt đầu môn học				
25	Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá chính xác, công bằng và được thông báo kịp thời tới sinh viên				



V. Cơ sở vật chất		1	2	3	4
26	Thư viện Trường có đủ các giáo trình và tài liệu tham khảo cho toàn khóa học				
27	Cơ sở vật chất nhà trường (giảng đường, bàn ghế, phương tiện nghe nhìn dùng cho việc học, sân vận động, chỗ gửi xe,...)				
28	Trang thiết bị phòng thực hành thí nghiệm có đảm bảo chất lượng phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học				
29	Cơ sở vật chất ký túc xá				
30	Cảnh quan vệ sinh môi trường				
31	Căng tin trong trường phục vụ nhu cầu ăn uống của sinh viên nội và ngoại trú				
VI. Công tác tài chính		1	2	3	4
32	Đánh giá việc thực hiện công tác thu - chi tài chính liên quan đến sinh viên của nhà trường				
33	Đánh giá về tinh thần và thái độ của cán bộ, nhân viên trong phòng Kế hoạch – Tài chính trong giải quyết công việc phục vụ sinh viên				
VII. Đánh giá chung về khóa học		1	2	3	4
34	Sinh viên được cung cấp đủ những kiến thức và các kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				
35	Mức độ tự tin về kiến thức, kỹ năng của sinh viên khi tốt nghiệp				
36	Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của nhà trường				

VIII. Các ý kiến khác

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

